**Ôn thi THPT QG 2020 – Sinh 12**

**Đề cương – Tuần 6\_ Ôn tập bài 32 - bài 38**

*(Đây là các dạng câu hỏi hết sức cơ bản, trọng tâm thi, các em hãy đầu tư trí tuệ để làm bài tốt nhất nhé!*

**Câu 1:** Sự phát sinh, phát triển của sự sống trên Trái Đất lần lượt trải qua các giai đoạn

A. Tiến hóa hóa học – tiến hóa sinh học.

B. Tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học - tiến hóa sinh học.

C. Tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học.

D. Tiến hóa tiền sinh học – tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học.

**Câu 2:** Giai đoạn từ khi sự sống đầu tiên xuất hiện và phát triển cho đến ngày nay được gọi là

A. tiến hóa hóa học B. tiến hóa xã hội C. tiến hóa sinh học D. tiến hóa tiền sinh học

**Câu 3:** Loài xuất hiện đầy tiên trong chi Homo là loài

A. Homo. Sapiens B. Homo. Habilis C. Homo. Erectus D. Homo. neanderthalenis

**Câu 4:** Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Giai đoạn tiến hóa tiền sinh học là giai đoạn tiến hóa từ các chất vô cơ đơn giản hình thành nên các hợp chất hữu cơ đơn giản rồi đến các chất hữu cơ phức tạp.

B. Giai đoạn tiến hóa hóa học và giai đoạn tiến hóa tiền sinh học được tính từ khi bắt đầu hình thành những hợp chất hữu cơ đơn giản đến toàn bộ sinh giới như ngày nay.

C. Giai đoạn tiến hóa sinh học là giai đoạn tính từ khi xuất hiện những dạng sống đầu tiên trên Trái Đất đến toàn bộ sinh giới đa dạng, phong phú như ngày nay.

D. Giai đoạn tiến hóa tiền sinh học là giai đoạn tính từ những hợp chất hữu cơ đơn giản đến các sinh vật đầu tiên.

**Câu 5:** Dựa vào những biến đổi về địa chat, khí hậu, sinh vật, người ta chia lịch sử Trái Đất thành các đại theo thời gian từ trước đến nay là

A. đại Thái cổ, đại Nguyên sinh, đại Cổ sinh, đại Trung sinh, đại Tân sinh.

B. đại Thái cổ, đại Cổ sinh, đại Trung sinh, đại Nguyên sinh, đại Tân sinh.

C. đại Cổ sinh, đại Nguyên sinh, đại Thái cổ, đại Trung sinh, đại Tân sinh.

D. đại Thái cổ, đại Nguyên sinh, đại Trung sinh, đại Cổ sinh, đại Tân sinh.

**Câu 7:** Quần thể sinh vật là gì?

A. Là tập hợp các cá thể trong cùng 1 loài, cùng sinh sống trong 1 khoảng không gian nhất định, vào 1 thời gian nhất định, có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống

B. Là nhóm cá thể của cùng 1 loài, tồn tại trong 1 thời gian nhất định, có khả năng sinh ra thế hệ mới hữu thụ.

C. Là nhóm cá thể của các loài khác nhau, phân bố trong 1 khoảng không gian nhất định, có khả năng sinh sản ra thế hệ mới hữu thụ, kể cả loài sinh sản vô tính và trinh sản.

D. Là nhóm cá thể của cùng 1 loài, tồn tại trong 1 khoảng thời gian nhất định, phân bố trong vùng phân bố của loài.

**Câu 7:** Tập hợp sinh vật nào sau đây là ví dụ về một quần thể?

A. Tất cả các gấu trúc Bắc Mĩ B. Tất cả các cây trong 1 khu rừng

C. Tất cả các động vật có vú trong 1 khu rừng D. Tất cả các gấu trúc trong 1 khu rừng

**Câu 8:** Những con voi trong vườn bách thú là

A. quần thể B. tập hợp cá thể voi C. quần xã D. hệ sinh thái

**Câu 9:** Nhóm cá thể sinh vật nào dưới đây là 1 quần thể?

A. Cỏ ven bờ hồ B. Cá rô phi đơn tính trong hồ

C. Ếch xanh và nòng nọc của nó trong hồ D. Chuột trong vườn

**Câu 10:** Có 1000 cá thể chim. Điều kiện để 1000 cá thể này trở thành 1 quần thể là:(1) Các cá thể chim này cùng thuộc 1 loài

(2) Cùng sống trong 1 môi trường, ở cùng thời điểm

(3) Có khả năng giao phối để sinh con

(4) Cùng sống với nhau trong 1 thời gian lịch sử

A. (1) và (2) B. (1), (2) và (3) C. (1), (2) và (4) D. (1), (2), (3) và (4)

**Câu 11:** Giới hạn sinh thái là

A. khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật có thể tồn tại, phát triển ổn định theo thời gian

B. khoảng xác định mà ở đó loài sống thuận lợi nhất hoặc sống bình thường nhưng năng lượng bị hao tổn tối thiểu

C. không chống chịu mà ở đó đời sống của loài ít bất lợi

D. khoảng cực thuận mà ở đó loài sống thuận lợi nhất

**Câu 12:** Khi nói về giới hạn sinh thái, kết luận nào sau đây không đúng?

A. Những loài có giới hạn sinh thái càng rộng thì có vùng phân bố càng hẹp

B. Loài sống ở vùng biển khơi có giới hạn sinh thái về độ muối hẹp hơn so với loài sống ở vùng cửa sống

C. Cở thể đang bị bệnh có giới hạn sinh thái về nhiệt độ hẹp hơn so với cơ thể cùng lứa tuổi nhưng không bị bệnh

D. Cơ thể sinh vật sinh trưởng tốt nhất ở khoảng cực thuận của giới hạn sinh thái

**Câu 13:** Khoảng thuận lợi là khoảng của các nhân tố sinh thái

A. ở đó sinh vật sinh sản tốt nhất

B. ở mức phù hợp nhất đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất

C. giúp sinh vật chống chịu tốt nhất với môi trường

D. ở đó sinh vật sinh trưởng, phát triển tốt nhất

**Câu 14:** Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái thì chúng thường có vùng phân bố

A. hạn chế        B. rộng C. vừa phải        D. hẹp

**Câu 15:** Những loài có giới hạn sinh thái hẹp đối với nhiều nhân tố sinh thái thì chúng thường có vùng phân bố

A. hạn chế        B. rộng C. vừa phải        D. hẹp

**Câu 16:** Những hiểu biết về giới hạn sinh thái của sinh vật có ý nghĩa

A. đối với sự phân bố của sinh vật trên Trái Đất, ứng dụng trong việc di – nhập vật nuôi

B. ứng dụng trong việc di – nhập, thuần hóa các giống vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp

C. trong việc giải thích sự phân bố của các sinh vật trên Trái Đất, ứng dụng trong việc di – nhập, thuần hóa các giống vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp

D. đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất, thuần hóa các giống vật nuôi

**Câu 17:** Trong tự nhiên, nhân tố sinh thái tác động đến sinh vật

A. một cách độc lập với tác động của các nhân tố sinh thái khác

B. trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố sinh thái khác

C. trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố vô sinh

D. trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố hữu sinh

**Câu 18:** Đối với mỗi nhân tố sinh thái, các loài khác nhau

A. có giới hạn sinh thái khác nhau

B. có giới hạn sinh thái giống nhau

C. có thể có giới hạn sinh thái giống nhau hoặc khác nhau

D. có phản ứng như nhau khi nhân tố sinh thái biến đổi

**Câu 19:** Nơi ở là

A. khu vực sinh sống của sinh vật B. nơi cư trú của loài

C. khoảng không gian sinh thái D. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật

**Câu 20:** Khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian được gọi là

A. môi trường B. giới hạn sinh thái C. ổ sinh thái D. sinh cảnh

**Câu 21:** Khoảng giới hạn sinh thái về nhiệt độ đối với cá rô phi ở Việt Nam là

A. 2°C - 42°C        B. 10°C - 42°C C. 5°C - 40°C        D. 5,6°C - 42°C

**Câu 22:** Loài chuột cát ở đài nguyên có thể chịu được nhiệt độ không khí dao động từ (-50°C) đến (+30°C), trong đó nhiệt độ thuận lợi từ 0°C đến 20°C. Điều này thể hiện quy luật sinh thái

A. giới hạn sinh thái B. tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường

C. không đồng đều của các nhân tố sinh thái D. tổng hợp của các nhân tố sinh thái

**Câu 23:** Cho các thông tin về giới hạn nhiệt độ của các loài sinh vật dưới đây:

- Loài chân bụng Hydrobia aponenis: (+1°C) – (+60°C). - Loài đỉa phiến: (+0,5°C) – (+24°C).

- Loài chuột cái đài nguyên: (-5°C) – (+30°C). - Loài cá chép Việt Nam: (+2°C) – (+44°C).

Trong các loài trên, loài nào có khả năng phân bố rộng nhất?

A. Cá chép B. Chân bụng Hydrobia aponenis C. Đỉa phiến D. Chuột cát

**Câu 24:** Ổ sinh thái của 1 loài là

A. một khoảng không gian sinh thái được hình thành bởi 1 giới hạn sinh thái mà ở đó, các nhân tố sinh thái quy định sự tồn tại và phát triển lâu dài của loài.

B. một khoảng không gian sinh thái mà ở đó, tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển.

C. một không gian sinh thái được hình thành bởi 1 tổ hợp các nhân tố sinh thái mà ở đó, loài tồn tại và phát triển lâu dài.

D.một vùng địa lí mà ở đó, các nhân tố sinh thái quy định sự tồn tại và phát triển lâu dài của loài.

**Câu 25:** Trên một cây to có nhiều loài chim sinh sống, có loài sống trên cao, có loài sống dưới thấp, hình thành

A. các quần thể khác nhau B. các ổ sinh thái khác nhau

C. các quần xã khác nhau D. các sinh cảnh khác nhau

**Câu 26:** Trong các nhận xét sau đây, có bao nhiêu nhận xét không đúng?

(1) Sự hỗ trợ cùng loài dẫn đến sự phong phú nguồn thức ăn cho quần thể.

(2) Hai loài có ổ sinh thái trùng lặp có thể sống chung với nhau trong cùng một sinh cảnh.

(3) Sinh vật sinh trưởng, phát triển tốt nhất ở khoảng nhiệt độ cực thuận.

(4) Cạnh tranh cùng loài thường có hại cho quần thể sinh vật.

(5) Loài có giới hạn sinh thái rộng về nhiều nhân tố sinh thái thường có vùng phân bố rộng.

A. 4        B. 2 C. 3         D. 1

**Câu 27:** Các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của quần thể là

A. cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố cá thể, mật độ, kích thước, kiểu tăng trưởng

B. sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

C. cấu trúc giới tính, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

D. độ nhiều, sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

**Câu 28:** Dấu hiệu nào không phải là đặc trưng của quần thể?

A. mật độ B. tỉ lệ đực – cái C. sức sinh sản D. độ đa dạng thành phần loài

**Câu 29:** Nhân tố nào gây ra sự biến động kích thước quần thể?

A. mức sinh sản B. mức tử vong C. mức xuất cư và nhập cư D. Cả A, B và C

**Câu 30:** Những yếu tố nào không ảnh hưởng tới kích thước quần thể?

A. tỉ lệ giới tính B. sinh sản C. tử vong D. nhập cư và xuất cư

**--- HẾT –**

*(Nếu còn thời gian, em hãy quay lại những câu còn chưa chắc chắn nhé – để chinh phục hết khả năng của chính mình trước khi ấn nộp bài nhé!)*